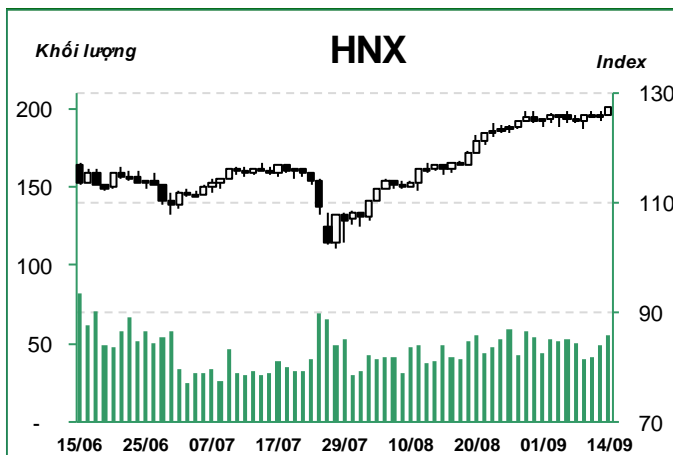
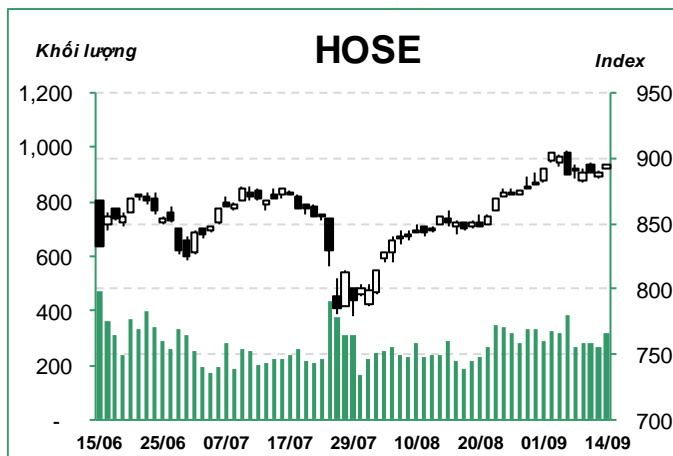


## Tổng quan thị trường

14/09/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>894.57</b>	<b>0.63%</b>	<b>832.24</b>	<b>0.81%</b>	<b>127.43</b>	<b>0.97%</b>
Cuối tuần trước	888.97	0.63%	825.56	0.81%	126.21	0.97%
Trung bình 20 ngày	881.88	1.44%	817.36	1.82%	124.89	2.04%
<b>Tổng KLGD (triệu cp)</b>	<b>364.43</b>	<b>17.59%</b>	<b>77.16</b>	<b>-1.87%</b>	<b>58.51</b>	<b>17.44%</b>
<b>KLGD khớp lệnh</b>	<b>318.77</b>	<b>18.24%</b>	<b>65.50</b>	<b>2.18%</b>	<b>55.29</b>	<b>13.93%</b>
Trung bình 20 ngày	304.30	4.75%	81.06	-19.20%	49.88	10.84%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>6,380.38</b>	<b>15.64%</b>	<b>2,196.92</b>	<b>-4.83%</b>	<b>649.91</b>	<b>26.11%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>5,238.09</b>	<b>15.65%</b>	<b>1,850.46</b>	<b>2.48%</b>	<b>607.12</b>	<b>21.56%</b>
Trung bình 20 ngày	5,310.71	-1.37%	2,324.92	-20.41%	582.28	4.27%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	270	58%	21	70%	99	28%
<b>Số mã giảm</b>	140	30%	6	20%	59	17%
<b>Số mã đứng giá</b>	56	12%	3	10%	198	56%



Thị trường đồng loạt bứt phá ngay từ đầu phiên giao dịch với sắc xanh xuất hiện ở nhiều cổ phiếu trụ. Diễn biến tăng điểm này có phần đồng thuận với các thị trường chứng khoán trong khu vực khi nhà đầu tư phản ứng tích cực trước thông tin nổi lại các thử nghiệm vaccin Covid-19. Tuy nhiên, do dòng tiền tiếp tục hướng đến nhóm cổ phiếu mid cap khiến cả VN-Index và HNX-Index sau đó đã không thể tiếp tục bứt phá mà chỉ biến động nhẹ so với mức tăng từ đầu phiên.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa tại mức 894.57 điểm (+0.63%). Thanh khoản trên sàn đã cải thiện so với phiên cuối tuần trước với KLGD khớp lệnh đạt 318.8 triệu cổ phiếu (+18.2%), tương đương 5,238 tỷ đồng giá trị (+15.6%). Tuy nhiên, thanh khoản của nhóm VN30 chỉ tăng nhẹ cho thấy dòng tiền đang hướng đến ở nhóm cổ phiếu vốn hóa thấp hơn. Độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về bên mua với sự áp đảo của số mã tăng điểm (270 mã tăng so với 140 mã giảm).

Vingroup-VIC (+2.2%) kéo điểm chính cho chỉ số. Bên cạnh đó, một số cổ phiếu cũng ghi nhận phiên tăng khá tốt kèm thanh khoản cao đáng chú ý như Vietnam Airline-HVN (+4.0%), Tập đoàn Hoa Sen-HSG (+6.7%), Đạm Cà Mau-DCM (+5.9%) hay Điện Gia Lai-GEG (+6.9%). Ở chiều ngược lại, Becamex IDC-BCM (-3.5%), Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (-1.9%), PV Gas-GAS (-0.6%) và Vinhomes-VHM (-0.3%) chịu áp lực điều chỉnh.

Khối ngoại gia tăng áp lực bán trên sàn HoSE, với giá trị bán ròng hôm nay đạt 441.4 tỷ đồng (+25.6%). Trong đó, những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Hòa Phát-HPG (-158.3 tỷ), Vinhomes-VHM (-82.2 tỷ), Thiết bị điện Việt Nam-GEX (-63.1 tỷ). Ngược lại, khối ngoại tập trung mua ròng một số cổ phiếu như Đạm Phú Mỹ-DPM (+25.8 tỷ), Vincom Retail-VRE (+25.7 tỷ), Vingroup-VIC (+18.0 tỷ).

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
VGC	10,000.0	202.00
HPX	6,004.2	156.11
VPB	4,900.6	107.83
TCB	4,545.3	96.67
THI	2,099.5	86.39
NVL	1,050.0	65.57
GEG	1,637.5	31.77
PC1	1,555.4	31.11
SAM	2,775.0	29.55
PNJ	444.8	27.22
<b>HNX</b>		
QHD	945.9	17.88
SHS	1,300.0	14.95
OCH	636.0	5.09
ACB	130.0	2.68
PVS	170.0	1.89
SJE	14.0	0.24
SD6	20.0	0.06

Trên sàn Hà Nội, chỉ số HNX-Index cũng có diễn biến tăng điểm tương tự khi đóng cửa tại mức 127.43 điểm (+0.97%). KLGĐ khớp lệnh đạt 55.3 triệu cổ phiếu (+13.9%), tương đương 607.1 tỷ đồng giá trị (+21.6%).

Trong đó, Ngân hàng Á Châu-ACB (+1.9%), Idico-IDC (+5.2%), Vicostone-VCS (+1.5%) là những cổ phiếu tác động tích cực nhất. Trái lại, Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-0.7%), Bảo hiểm Bưu điện-PTI (-8.7%), Vinaconex-VCG (-0.8%) gây áp lực đối với chỉ số.

Khối ngoại đảo chiều bán ròng trên sàn HNX với giá trị 27.3 tỷ đồng. Với Dầu khí PTSC-PVS (-19.0 tỷ), Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-4.2 tỷ), Idico-IDC (-1.2 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất, trong khi Chứng khoán Artex-ART (+1.0 tỷ), Nhựa Tiên Phong-NTP (+0.7 tỷ), Vinaconex-VCG (+0.4 tỷ) được khối ngoại tập trung mua ròng.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng vượt bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền gia nhập thị trường tích cực. Không những vậy, chỉ số vượt qua MA5 và duy trì đóng cửa trên MA20, cùng với chỉ báo ADX nằm trên vùng 25 và +DI nằm trên -DI, cho thấy xu hướng phục hồi ngắn hạn đang tiếp diễn. Thêm vào đó, bộ chỉ báo MACD và RSI đang có dấu hiệu hướng lên, cho thấy chỉ số có thể sớm tiến lên thử thách lại vùng đỉnh 905 điểm và xa hơn có thể là vùng 940 điểm (Fib 127.2). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp và duy trì đóng cửa trên MA5 và 20, cùng với khối lượng giao dịch gia tăng, cho thấy chỉ số đang trong xu hướng phục hồi. Chỉ số đang có cơ hội vượt qua vùng 127.4 điểm (Fib 127.2) và hướng lên thử thách vùng 134.4 điểm (Fib 161.8). Nhìn chung, thị trường đang có cơ hội thoát ra khỏi nhịp điều chỉnh kỹ thuật và quay lại xu hướng phục hồi chính. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để gia tăng thêm một phần nhỏ tỷ trọng vào các cổ phiếu có cơ bản tốt, có câu chuyện riêng và kỳ vọng kết quả kinh doanh quý 3 khả quan

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SBV	10.7	320.3	7.0%
APC	21.4	96.4	7.0%
VSH	18.4	108.8	7.0%
HAP	6.3	1,344.5	7.0%
PXI	4.3	153.6	7.0%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DTL	9.2	6.0	-7.0%
TNC	23.0	0.0	-6.5%
KPF	14.0	7.6	-6.0%
VID	9.0	29.9	-5.8%
MCP	31.0	0.5	-5.5%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HSG	12.7	322.9	6.7%
HPG	24.6	313.0	0.6%
GEX	25.3	243.1	0.2%
DBC	49.7	163.7	-0.5%
VNM	124.2	148.7	0.3%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HSG	12.7	25,808.3	6.7%
HPG	24.6	12,723.3	0.6%
FLC	3.1	10,686.1	-1.3%
GEX	25.3	9,535.5	0.2%
HQC	1.7	8,436.9	-0.6%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NHP	0.7	243.4	16.7%
ACM	0.8	1,721.8	14.3%
VIG	1.0	1,077.0	11.1%
OCH	8.8	51.0	10.0%
PMP	9.9	0.2	10.0%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VDL	25.0	0.1	-9.8%
CLM	15.8	0.1	-9.7%
TST	8.6	0.1	-9.5%
ICG	6.7	0.1	-9.5%
CKV	11.5	0.7	-9.5%

#### Top 5 giá trị

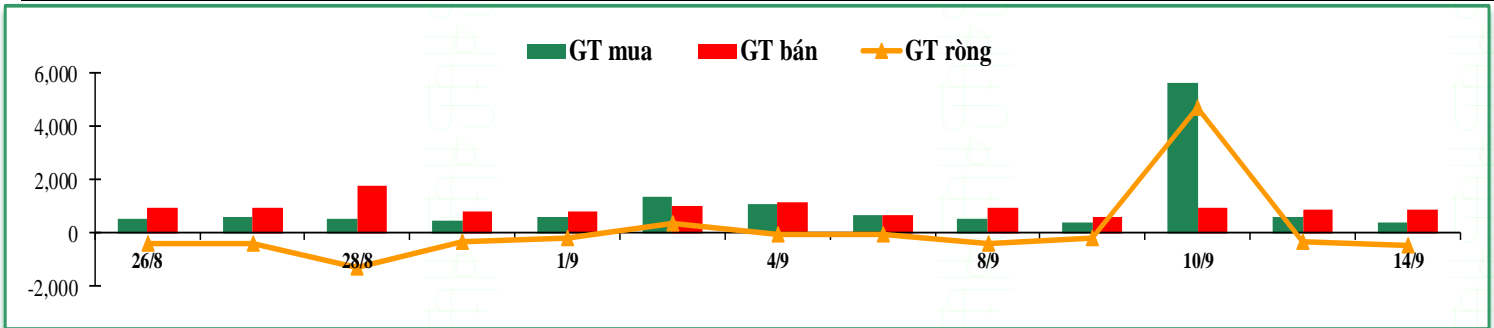
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	21.2	111.6	1.9%
PVS	12.4	59.8	0.8%
SHB	14.5	56.8	-0.7%
PLC	23.1	37.8	9.0%
SHS	11.5	30.7	-0.9%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACB	21.2	5,275.8	1.9%
PVS	12.4	4,810.1	0.8%
SHB	14.5	3,928.7	-0.7%
SHS	11.5	2,669.4	-0.9%
NVB	8.7	2,637.1	-1.1%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	397.8	7.6%	839.2	16.0%	-441.4
HNX	3.9	0.6%	31.1	5.1%	-27.3
<b>Tổng số</b>	<b>401.7</b>		<b>870.3</b>		<b>-468.7</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	124.2	65.0	0.3%
VRE	28.6	32.9	0.7%
VIC	93.1	30.2	2.2%
PNJ	60.0	26.6	0.8%
PLX	49.8	26.5	0.2%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	24.6	170.3	0.6%
VNM	124.2	103.4	0.3%
VHM	77.5	95.7	-0.3%
GEX	25.3	70.4	0.2%
PC1	20.4	32.5	4.6%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
DPM	17.2	25.8	1.8%
VRE	28.6	25.7	0.7%
VIC	93.1	18.0	2.2%
HSG	12.7	17.3	6.7%
PLX	49.8	9.1	0.2%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ART	2.4	1.0	0.0%
NTP	32.0	0.7	0.3%
PVS	12.4	0.6	0.8%
VCG	36.0	0.4	-0.8%
PLC	23.1	0.2	9.0%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	12.4	19.6	0.8%
SHB	14.5	4.3	-0.7%
IDC	24.2	1.2	5.2%
SLS	78.0	1.2	8.0%
SDT	4.7	0.8	9.3%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ART	2.4	1.0	0.0%
NTP	32.0	0.7	0.3%
VCG	36.0	0.4	-0.8%
AMV	17.8	0.1	-1.7%
SHS	11.5	0.1	-0.9%

## Tin trong nước

### **V.N.M ETF giữ nguyên danh mục cổ phiếu Việt Nam trong kỳ cơ cấu quý III, hạ tỷ trọng xuống 64,48%**

Sáng nay, quỹ ETF MV Index Solutions (MVIS) chính thức công bố kỳ đảo danh mục quý III của chỉ số MVIS Vietnam Index - chỉ số cơ sở của quỹ VanEck Vectors Vietnam ETF (V.N.M ETF).

Theo đó, quỹ này giữ nguyên danh mục các cổ phiếu Việt Nam trong khi thêm vào một cổ phiếu nước ngoài của Hàn Quốc đồng thời loại cổ phiếu của Malaysia. Số lượng cổ phiếu trong danh mục MVIS Vietnam Index vẫn là 25, trong đó số lượng cổ phiếu Việt Nam là 15. Hai cổ phiếu VIC và VNM tiếp tục có tỷ trọng lớn nhất đều là 8%. Tổng tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam hạ xuống còn 64,48%, thấp hơn so với mức 67,48%, tại kỳ đảo danh mục quý II.

Vì tổng tỷ trọng mới nhất tại ngày 11/9 của các cổ phiếu Việt Nam là 63,52% nên dự báo V.N.M ETF sẽ mua thêm 0,96% danh mục trong tuần tới để đảm bảo tỷ trọng vừa được công bố.

Căn cứ trên số liệu cập nhật mới nhất của MVIS Vietnam Index, ước tính trong tuần tới, quỹ này sẽ mua vào khoảng 743.000 cổ phiếu VIC và 571.000 cổ phiếu VRE. Ngược lại, quỹ này dự kiến sẽ bán ra 2 triệu cổ phiếu POW. Các mã khác như SBT hay TCH cũng bị bán ra lần lượt 880.000 cổ phiếu và 835.000 cổ phiếu.

Trước đó, quỹ db x-trackers FTSE Vietnam UCITS ETF (FTSE ETF) – đầu tư dựa trên chỉ số cơ sở FTSE Vietnam Index thêm cổ phiếu GEX của Gelex vào danh mục đầu tư kỳ quý III trong khi không loại ra cổ phiếu nào. Số lượng cổ phiếu Việt Nam trong FTSE Vietnam Index tăng lên 18.

Hai quỹ sẽ cần hoàn thành cơ cấu danh mục vào ngày 18/9.

### **HDBank chốt quyền chia cổ tức đợt 1 và thưởng cổ phiếu tổng tỷ lệ 30%**

HDBank (HoSE: HDB) thông báo ngày 2/10 là thời điểm chốt danh sách cổ đông phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 1 và phát hành cổ phiếu thưởng do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tổng tỷ lệ 30%.

Trong đó, HDBank sẽ phát hành 145 triệu cổ phiếu thưởng do thực hiện tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tương đương tỷ lệ phát hành 15%. Nguồn vốn phát hành lấy từ thặng dư vốn cổ phần trong BCTC hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán.

Ngân hàng cũng phát hành gần 145 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 tỷ lệ 15%. Nguồn vốn phát hành lấy từ lợi nhuận chưa phân phối lũy kế trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán.

Theo BCTC năm 2019 đã kiểm toán, nhà băng này ghi nhận 6.130 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và giá trị thặng dư vốn cổ phần 2.042 tỷ đồng.

Như vậy, HDBank sẽ phát hành tổng cộng gần 290 triệu cổ phiếu, vốn điều lệ dự kiến tăng thành 12.708 tỷ đồng.



## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Dabaco chuyển 634 tỷ đồng lợi nhuận từ các công ty con về để tạm ứng cổ tức 2020**

Tập đoàn Dabaco Việt Nam (Dabaco, HoSE: DBC) thông báo quyết định HĐQT phê duyệt phương án điều chuyển 634 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế của các công ty con về công ty mẹ tại ngày 31/7 để thực hiện việc tạm ứng cổ tức năm 2020.

Vào ngày 1/9, tập đoàn đã họp đánh giá tình hình sản xuất tháng 7-8 và quyết định tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt tỷ lệ 15%, đương đương với tổng thanh toán 157 tỷ đồng. Ngày đăng ký cuối cùng 17/9 và ngày thanh toán 30/9.

Tuy nhiên, tính đến cuối quý II, phần lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên BCTC công ty mẹ chỉ gần 9 tỷ đồng. Sau quyết định điều chuyển, phần lợi nhuận này tại ngày 31/7 của công ty mẹ tăng lên 665,4 tỷ đồng, gấp 3,3 lần con số đầu năm.

Về hoạt động kinh doanh, tập đoàn cho biết doanh thu 2 tháng 7 và 8 đạt 2.370 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế ước 261 tỷ đồng, bằng với 35% lợi nhuận 6 tháng đầu năm.

Lũy kế 8 tháng, Dabaco ghi nhận doanh thu 8.678 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế ước 1.011 tỷ đồng, vượt 121% kế hoạch năm.

### **TIP chào bán cổ phiếu cho cổ đông tăng vốn 54%**

Công ty Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa (HoSE: TIP) vừa công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2020 về việc huy động vốn từ cổ đông hiện hữu và điều chỉnh Dự án Khu du lịch, thương mại, logistics tại xã lộ 25, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Cụ thể, HĐQT sẽ trình ĐHĐCĐ việc biểu quyết chủ trương điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư dự án trên từ 744 tỷ đồng lên gần 2.078 tỷ đồng (tức tăng thêm 1.334 tỷ). Đồng thời HĐQT cũng muốn bổ sung thêm mục tiêu “đầu tư Khu công nghiệp” vào mục tiêu chung của dự án.

Nhằm tài trợ một phần vốn cho việc tăng đầu tư dự án này, TIP trình cổ đông phương án phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 54% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được hưởng quyền mua 54 cổ phiếu mới).

Tổng khối lượng dự kiến phát hành hơn 14 triệu cổ phiếu, tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu 90%. Sau phát hành, công ty sẽ tăng vốn điều lệ lên thành 400 tỷ đồng. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý III.

Giá chào bán là 10.000 đồng/cp, tương đương giá trị vốn huy động tối đa 140 tỷ đồng, toàn bộ dùng để thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng cho dự án trên. Trong khi đó cổ phiếu TIP tăng mạnh lên khoảng giá 28.000 đồng/cp, cao gấp đôi so với thời điểm đầu tháng 4.

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VRE	Nắm giữ	27/08/20	28.6	27.2	5.1%	32	17.6%	26.6	-2.2%	Xu hướng phục hồi tiếp diễn
2	IMP	Mua	15/09/20	48.15	48.15	0.0%	54.4	13.0%	47.2	-2.0%	Tín hiệu quay lại xu hướng phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	HBC	Quan sát mua	15/09/20	10.2	12.5	Phiên break kênh điều chỉnh nhỏ kèm vol cao trở lại + MACD Hook -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 10-10.1
2	HVN	Quan sát mua	15/09/20	27.25	30	Phiên break nền tích lũy và MA200 kèm vol cao trở lại -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 26.9-27
3	LCG	Quan sát mua	15/09/20	8.51	9.7	Phiên break nền tích lũy kèm vol cao trở lại -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 8.3-8.4
4	FPT	Quan sát mua	15/09/20	49.3	58	Nhịp điều chỉnh tích cực với vol giảm thấp dần + có phiên tăng quay lại trên MA5 -> khả năng sớm quay lại xu hướng tăng
5	STB	Quan sát mua	15/09/20	11.3	12.6-13	Nhịp tích lũy tích cực với vol giảm dần + phiên tăng kéo MACD Histogram tăng trở lại -> khả năng sớm có phiên breakout

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DGC	Nắm giữ	20/08/20	41.25	33.45	23.3%	43.5	30.0%	31.8	-5%	
2	VRE	Nắm giữ	27/08/20	28.6	27.2	5.1%	32	17.6%	26.6	-2%	Nâng giá mục tiêu lên 32 ngàn

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

3	DBC	Mua	10/09/20	49.65	48	3.4%	57	19%	45	-6%
4	PPC	Mua	14/09/20	24.4	24.3	0.4%	26	7%	23.5	-3%

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 14/09/2020							Thông tin chứng quyền					
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,250	6.8 %	-19%	887	93	72,700	106	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	10,410	2.7 %	43%	7,141	56	49,300	663	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,700	3.7 %	13%	6,054	45	49,300	1,190	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,540	2.7 %	-9%	8,461	39	49,300	1,188	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,390	3.0 %	-7%	383	122	49,300	580	HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CHDB2005	1,080	800	-8.1 %	-26%	6,009	21	30,250	743	KIS	HDB	27,327	4	05/10/2020
CHDB2006	2,180	2,800	-6.7 %	28%	7,758	24	30,250	2,800	MBS	HDB	24,700	2	08/10/2020
CHPG2005	2,100	-	0 %	-100%	-	17	24,600	5,627	VND	HPG	19,000	1	01/10/2020
CHPG2006	1,500	3,960	-0.8 %	164%	17,909	2	24,600	1,292	KIS	HPG	22,020	2	16/09/2020
CHPG2008	4,100	3,670	0.3 %	-10%	1,976	77	24,600	35	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	3,870	0.8 %	142%	5,845	45	24,600	1,094	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	5,480	-0.7 %	-10%	3,000	126	24,600	565	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	6,840	1.3 %	-1%	12,900	78	24,600	1,152	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	6,790	2.9 %	-6%	315	217	24,600	1,442	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	5,960	0.2 %	-11%	7,510	168	24,600	958	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CMSN2008	1,530	1,480	4.2 %	-3%	11,384	84	55,600	691	MBS	MSN	53,000	5	07/12/2020
CHPG2016	2,200	2,490	0.4 %	13%	1,460	122	24,600	156	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CPNJ2007	1,670	2,040	1.0 %	22%	10,156	67	60,000	1,463	MBS	PNJ	53,000	5	20/11/2020
CSTB2008	1,500	1,800	2.9 %	20%	26,711	67	11,300	1,171	MBS	STB	10,200	1	20/11/2020
CVNM2009	1,810	2,280	1.3 %	26%	9,835	84	124,200	1,797	MBS	VNM	107,000	10	07/12/2020
CVPB2009	1,630	2,090	3.0 %	28%	8,729	67	23,200	1,561	MBS	VPB	20,200	2	20/11/2020
CMBB2003	2,000	1,330	5.6 %	-34%	5,043	56	18,150	467	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	900	200.0 %	-55%	1	42	18,150	1	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,120	10.9 %	2%	18,752	45	18,150	856	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	1,350	7.1 %	-4%	400	122	18,150	781	HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	590	7.3 %	-74%	21,372	93	55,600	7	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMSN2002	2,000	20	-33.3 %	-99%	9,579	2	55,600	-	KIS	MSN	62,999	4	16/09/2020
CMSN2005	2,100	500	4.2 %	-76%	38,898	45	55,600	5	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	1,370	6.2 %	-28%	3,419	122	55,600	474	HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMWG2005	2,500	-	0 %	-100%	-	17	93,000	665	VND	MWG	92,000	2	01/10/2020
CMWG2006	2,000	340	36.0 %	-83%	2	42	93,000	0	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	11,200	-1.1 %	-13%	361	77	93,000	7,131	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	1,160	-3.3 %	-11%	22,117	43	93,000	832	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	1,650	-1.2 %	3%	15,303	39	93,000	1,408	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	1,680	-5.6 %	20%	2,031	122	93,000	1,247	HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CNVL2001	2,300	1,990	10.6 %	-13%	1	93	63,700	132	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,570	1.2 %	29%	658	177	63,700	1,051	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2002	2,400	290	-14.7 %	-88%	11,849	17	60,000	(0)	VND	PNJ	69,000	2	01/10/2020
CPNJ2003	2,000	130	0 %	-94%	80	42	60,000	0	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	460	0 %	-54%	24,652	45	60,000	108	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	820	0 %	-18%	652	122	60,000	348	HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CREE2003	1,000	1,940	4.9 %	94%	521	45	39,300	1,882	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	3,350	3.1 %	113%	1,032	39	39,300	3,298	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	2,180	5.8 %	68%	521	122	39,300	1,786	HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	150	-6.3 %	-85%	5,787	93	2,190	(0)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CSBT2001	2,900	140	-6.7 %	-95%	4,552	93	14,050	0	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	1,200	26.3 %	-29%	13,333	93	11,300	214	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2003	1,360	130	-18.8 %	-90%	37,624	2	11,300	191	KIS	STB	11,111	1	16/09/2020
CSTB2004	1,400	1,120	1.8 %	-20%	12,318	77	11,300	549	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	370	-9.8 %	-66%	7,046	50	11,300	32	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	730	-7.6 %	-51%	1,591	203	11,300	208	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CTCB2003	2,000	280	-9.7 %	-86%	4,411	42	21,500	0	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,630	0.6 %	-46%	2,270	77	21,500	435	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	1,920	4.4 %	60%	20,108	45	21,500	1,784	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,670	4.4 %	-2%	250	122	21,500	999	HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CVHM2001	3,100	1,000	1.0 %	-68%	638	93	77,500	6	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	6,570	-3.5 %	-43%	5,901	77	77,500	2,701	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	1,070	-7.8 %	7%	11,371	45	77,500	777	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2004	1,490	170	-15.0 %	-89%	3,291	21	77,500	0	KIS	VHM	86,868	10	05/10/2020
CVHM2005	1,400	960	-1.0 %	-31%	7,825	122	77,500	314	HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVJC2001	2,400	200	0 %	-92%	89	93	107,400	0	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	560	3.7 %	-71%	861	45	107,400	1	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2003	1,670	100	0 %	-94%	953	21	107,400	(0)	KIS	VJC	123,456	10	05/10/2020
CVNM2004	17,500	14,600	-1.0 %	-17%	2,581	77	124,200	7,610	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	2,460	0.4 %	64%	3,391	45	124,200	2,158	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2006	1,530	380	5.6 %	-75%	6,205	21	124,200	0	KIS	VNM	131,313	10	05/10/2020
CVNM2007	2,400	-	0 %	-100%	-	177	124,200	259	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,050	3.5 %	14%	490	122	124,200	1,229	HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVPB2006	3,400	1,560	4.7 %	-54%	20,388	77	23,200	473	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	1,000	5.3 %	-41%	27,656	45	23,200	464	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,710	6.2 %	-5%	5,450	122	23,200	996	HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVRE2003	3,000	370	5.7 %	-88%	25,612	93	28,600	1	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	2,690	2.7 %	-33%	298	77	28,600	1,332	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVRE2006	1,100	1,490	2.1 %	35%	3,040	45	28,600	1,421	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	650	-1.5 %	-57%	15,226	203	28,600	199	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,270	1.6 %	6%	13,101	122	28,600	811	HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
<a href="#">DBD</a> (New)	HOSE	45,100	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
<a href="#">VCB</a> (New)	HOSE	83,000	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
<a href="#">AST</a> (New)	HOSE	49,500	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
<a href="#">PHR</a> (New)	HOSE	59,400	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
<a href="#">VRE</a>	HOSE	28,600	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
<a href="#">POW</a>	HOSE	10,000	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
<a href="#">MWG</a>	HOSE	93,000	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
<a href="#">NVL</a>	HOSE	63,700	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
<a href="#">NT2</a>	HOSE	24,200	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
<a href="#">SCS</a>	HOSE	123,600	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%
<a href="#">MSN</a>	HOSE	55,600	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%
<a href="#">HPG</a>	HOSE	24,600	28,700	18/08/2020	9,638	2,889	16,628	18%	9%	9.9	1.7	5%
<a href="#">DHG</a>	HOSE	102,100	88,000	17/08/2020	670	5,125	27,884	18%	15%	17.2	3.2	-
<a href="#">VTP</a>	UPCOM	104,000	142,700	13/08/2020	451	7,565	24,318	40%	11%	18.9	7.6	0%
<a href="#">VPB</a>	HOSE	23,200	22,088	12/08/2020	8,558	3,511	20,826	18%	2%	6.3	1.1	0%
<a href="#">BMP</a>	HOSE	57,500	55,800	07/08/2020	491	6,001	30,994	19%	17%	9.2	1.8	40%
<a href="#">MSH</a>	HOSE	31,750	36,500	04/08/2020	21	428	20,629	2%	1%	85.2	1.8	25%
<a href="#">PNJ</a>	HOSE	60,000	66,500	04/08/2020	836	3,713	21,769	17%	10%	17.9	3.1	8%
<a href="#">CTR</a>	UPCOM	42,600	42,400	03/08/2020	191	3,152	13,146	20%	8%	16.2	3.4	10%
<a href="#">STK</a>	HOSE	15,100	17,500	03/08/2020	102	1,448	15,252	10%	5%	12.1	1.2	15%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: [www.phfm.vn](http://www.phfm.vn)